

BẢNG SỐ 9

BẢNG GIÁ ĐẤT VEN TRỤC ĐẦU MỐI GIAO THÔNG CHÍNH THUỘC HUYỆN THANH TRÌ

(Kèm theo Quyết định số: 63/2013/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: đ/m²

TT	Tên đường	Giá đất ở				Ngoài phạm vi 200m	Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp				Ngoài phạm vi 200m
		Áp dụng trong phạm vi từ chỉ giới hè đường đến 200m					Áp dụng trong phạm vi từ chỉ giới hè đường đến 200m				
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4	
a	Quốc lộ					Tính từ chỉ giới hè đường, theo giá đất khu dân cư nông thôn					Tính từ chỉ giới hè đường, theo giá đất khu dân cư nông thôn
1	- Ngọc Hồi (Quốc lộ 1A đoạn từ giáp xã Tứ Hiệp đến Cầu Ngọc Hồi)										
	+ Phía đối diện đường tàu	8 400 000	6 100 000	4 368 000	3 864 000		4 000 000	3 850 000	3 058 000	2 705 000	
	+ Phía đi qua đường tàu	6 800 000	4 964 000	4 284 000	3 520 000		3 700 000	3 000 000	2 900 000	2 380 000	
	- Quốc lộ 1A đoạn từ Cầu Ngọc Hồi đến hết địa phận huyện Thanh Trì .										
	+ Phía đối diện đường tàu	7 200 000	5 328 000	4 320 000	3 600 000		3 920 000	3 730 000	3 024 000	2 520 000	
	+ Phía đi qua đường tàu	6 000 000	4 380 000	3 780 000	3 480 000		3 335 000	2 334 000	1 667 000	1 500 000	
2	Quốc lộ 1B Pháp Vân - Cầu Giẽ đoạn địa phận huyện Thanh Trì	5 800 000	4 234 000	3 654 000	3 364 000		3 686 000	2 964 000	2 558 000	2 355 000	
b	Đường địa phương										
1	Đường gom chân QL 1B (từ hết địa phận quận Hoàng Mai đến hết địa phận huyện Thanh Trì)	3 800 000	2 888 000	2 470 000	2 280 000		2 660 000	2 022 000	1 600 000	1 400 000	

TT	Tên đường	Giá đất ở					Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp				
		Áp dụng trong phạm vi từ chỉ giới hè đường đến 200m				Ngoài phạm vi 200m	Áp dụng trong phạm vi từ chỉ giới hè đường đến 200m				Ngoài phạm vi 200m
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4	
2	Đường gom chân đê Sông Hồng (đoạn từ hết địa phận xã Tứ Hiệp đến hết địa phận Huyện Thanh Trì)	3 800 000	2 888 000	2 470 000	2 280 000	Tính từ chỉ giới hè đường, theo giá đất khu dân cư nông thôn	2 660 000	2 022 000	1 600 000	1 400 000	Tính từ chỉ giới hè đường, theo giá đất khu dân cư nông thôn
3	Đường Ngũ Hiệp (từ giáp đường Ngọc Hồi đến hết đường Ngũ Hiệp)	4 800 000	3 600 000	3 120 000	2 880 000		3 360 000	2 520 000	2 184 000	2 016 000	
4	Đường Đông Mỹ (từ cuối đường Ngũ Hiệp đến hết đường Đông Mỹ)	4 800 000	3 600 000	3 120 000	2 880 000		3 360 000	2 520 000	2 184 000	2 016 000	
5	Đường liên xã Đông Mỹ - Vạn Phúc (từ giáp đường Đông Mỹ đến giáp đường đê Sông Hồng)	4 800 000	3 600 000	3 120 000	2 880 000		3 360 000	2 520 000	2 184 000	2 016 000	
6	Đường Liên Ninh - Đại Áng (từ giáp đường QL1A đến giáp đường Vĩnh Quỳnh - Đại Áng)	3 800 000	2 888 000	2 470 000	2 280 000		2 660 000	2 022 000	1 600 000	1 400 000	
7	Đường liên xã Quốc lộ 1A - Liên Ninh - Đông Mỹ (từ giáp đường QL 1A đến hết đường liên xã Liên Ninh-Đông Mỹ)	4 800 000	3 600 000	3 120 000	2 880 000		3 360 000	2 520 000	2 184 000	2 016 000	

TT	Tên đường	Giá đất ở					Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp				
		Áp dụng trong phạm vi từ chỉ giới hè đường đến 200m				Ngoài phạm vi 200m	Áp dụng trong phạm vi từ chỉ giới hè đường đến 200m				Ngoài phạm vi 200m
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4	
8	Đường Ngọc Hồi - Yên Kiện - Lạc Thị (từ giáp QL 1A đến giáp đường Vĩnh Quỳnh - Đại Áng)	3 800 000	2 888 000	2 470 000	2 280 000	Tính từ chỉ giới hè đường, theo giá đất khu dân cư nông thôn	2 660 000	2 022 000	1 600 000	1 400 000	Tính từ chỉ giới hè đường, theo giá đất khu dân cư nông thôn
9	Đường Vĩnh Quỳnh - Đại Áng										
	+ Từ cuối Thị trấn Văn Điển đến hết địa phận xã Vĩnh Quỳnh.	4 800 000	3 600 000	3 120 000	2 880 000		3 360 000	2 520 000	2 184 000	2 016 000	
	+ Từ hết địa phận xã Vĩnh Quỳnh đến hết địa phận xã Đại Áng	3 800 000	2 888 000	2 470 000	2 280 000		2 660 000	2 022 000	1 600 000	1 400 000	
10	Đường Phan Trọng Tuệ (đoạn qua xã Vĩnh Quỳnh)	5 800 000	4 234 000	3 654 000	3 364 000		3 686 000	2 964 000	2 558 000	2 355 000	
11	Đường liên xã Duyên Hà - Vạn Phúc (từ giáp đê Sông Hồng đến qua UBND xã Vạn Phúc)	3 400 000	2 584 000	2 210 000	2 040 000		2 380 000	1 809 000	1 500 000	1 300 000	

Ghi chú: Giá đất tại các vị trí 4 theo bảng giá trên đây nhưng không thấp hơn giá đất khu dân cư nông thôn liền kề.